

Số: 10/2026/QĐCNTTLH

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Phúc Thị K và anh Lê Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu ly hôn của chị Phúc Thị K.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* Người khởi kiện: Chị Phúc Thị K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, tỉnh Tuyên Quang

* Người bị kiện: Anh Lê Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã N1, tỉnh Tuyên Quang

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2026, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phúc Thị K và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 28/05/2008 tại UBND xã N2, huyện N3, tỉnh Tuyên Quang – nay là xã N1, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Q, sinh ngày 05/12/2008 và cháu Lê

Khánh N, sinh ngày 05/7/2013 cho chị Phúc Thị K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn đối với cháu Lê Khánh N số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N1 (Nơi Đăng ký kết hôn);
- Hòa giải viên;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Dương Văn Tiến